

CỤC THADS TỈNH SÓC TRĂNG  
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
HUYỆN KẾ SÁCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 411/TB-THADS

Kế Sách, ngày 16 tháng 5 năm 2025

### THÔNG BÁO

#### Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Bản án số 02/2022/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 744/QĐ-CTHADS ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định thi hành án số 524/QĐ-CTHADS ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 08/QĐ-CCTHADS, ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 219/2025/66/BĐS-ST, ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thẩm định giá Sao Việt;

Căn cứ Thông báo về kết quả thẩm định giá tài sản số 356/TB-THADS ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Thông báo về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản số 390/TB-THADS ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng lựa chọn: **Công ty đấu giá Hợp danh Sóc Trăng**, địa chỉ: số 844 đường Võ Văn Kiệt, khóm 7, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản các tài sản đã kê biên của bà **Nguyễn Thị Bé Sáu**, sinh năm: 1977 và ông **Nguyễn Văn Công**, sinh năm: 1973; cùng địa chỉ: ấp Hậu Bôi, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Tài sản gồm:

**Tài sản 1.** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28, diện tích 11.142,8m<sup>2</sup>, loại đất chuyên trồng lúa nước, địa chỉ tại ấp Hậu Bôi, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 241470 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Nguyễn Thị Bé Sáu ngày 04/7/2017.

Cây trồng trên đất gồm: Ồi loại A 403 cây; Cau loại A 27 cây; Tràm loại B 71 cây; Dừa loại A 11 cây; Mít loại A 01 cây, loại B 01 cây; Bưởi loại C 31 cây.

**Tài sản 2.** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 28, diện tích 2.672,4m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ tại ấp Hậu Bồi, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 241469, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Nguyễn Thị Bé Sáu ngày 04/7/2017.

Cây trồng trên đất gồm: Cau loại A 51 cây, loại B 14 cây; Dừa loại A 09 cây, loại B 03 cây, loại C 09 cây; Lê ki ma loại B 01 cây; Cóc loại B 01 cây; Mít loại A 08 cây; Ồi loại A 19 cây; Sầu riêng loại B 08 cây; Nhãn long loại B 01 cây; Tre loại A 50 cây; Còng loại A 01 cây.

Vậy, thông báo để các đương sự, các tổ chức đấu giá được biết./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Trang thông tin điện tử CTHADS tỉnh Sóc Trăng;
- Cổng thông tin quốc gia về đấu giá tài sản;
- Lưu: VT, HSTHA.

**CHẤP HÀNH VIÊN**



**Nguyễn Thanh Sang**

Kế Sách, ngày 16 tháng 5 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

**I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN**

1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà **Nguyễn Thị Bé Sáu**, sinh năm: 1977 và ông **Nguyễn Văn Công**, sinh năm: 1973; cùng địa chỉ: ấp Hậu Bồi, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. Giá khởi điểm:

\*Tài sản 1 là: **1.588.520.800đ** (Một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, năm trăm hai mươi ngàn, tám trăm đồng).

\*Tài sản 2 là: **532.545.800đ** (Năm trăm ba mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn, tám trăm đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: **Công ty đấu giá Hợp Danh Sóc Trăng**, địa chỉ: số 844 đường Võ Văn Kiệt, khóm 7, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Tổng số điểm: 89/100

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): không

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): không

**II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)**

TT	NỘI DUNG	Công ty đấu giá Hợp Danh Sóc Trăng	Công ty đấu giá Hợp Danh Song Pha
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		

<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>18,0</b>	<b>19,0</b>
<b>1.</b>	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>10,0</b>	<b>10,0</b>
<b>1.1</b>	<i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>	<i>5,0</i>	<i>5,0</i>
<b>1.2</b>	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>	<i>5,0</i>	<i>5,0</i>
<b>2.</b>	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>
<b>2.1</b>	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>
<b>2.2</b>	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	<i>3,0</i>	<i>3,0</i>
<b>3.</b>	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>
<b>4.</b>	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	<i>0</i>	<i>1,0</i>
<b>5.</b>	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>
<b>III</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả</b>	<b>16,0</b>	<b>16,0</b>
<b>1.</b>	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>
<b>1.1</b>	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>
<b>1.2</b>	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>
<b>2.</b>	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>
<b>3.</b>	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>
<b>3.1</b>	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>

3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0	4,0
IV	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>	<b>47,0</b>	<b>44,0</b>
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i>	15,0	14,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>		
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>		
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>		14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0	
2.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i>	5,0	5,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>		
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0	5,0
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>		
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>		
3.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</i>	5,0	5,0
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>		
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>	5,0	5,0
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>		
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>		
4.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</i>	3,0	0
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất</i>	3,0	

4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề</i>		
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo</i>		
5.	<b><i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động</i></b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 5 năm</i>		
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>		
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>		
6.	<b><i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i></b>	<b>3,0</b>	<b>4,0</b>
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>		
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0	
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>		4,0
7.	<b><i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân</i></b>	<b>3,0</b>	<b>3,0</b>
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>		
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>		
8.	<b><i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i></b>	<b>4,0</b>	<b>5,0</b>
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>		
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0	
8.3	<i>Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>		5,0
9.	<b><i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng</i></b>	<b>4,0</b>	<b>3,0</b>
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>		3,0

9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên		
<b>V</b>	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>	<b>8,0</b>	<b>2,0</b>
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	2,0	2,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0	
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	3,0	
4.	Tiêu chí khác		
	<b>Tổng</b>	<b>89</b>	<b>81</b>